



Bản tin
**HÀNG RÀO KỸ THUẬT
TRONG THƯƠNG MẠI**
TỈNH BÌNH THUẬN

Số 64 (Tháng 9/2023)

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH THUẬN
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

KDC Bắc Xuân An - Phan Thiết. ĐT: 3754042. Email: phongtbt.binhthuan@gmail.com

EU áp giá carbon đối với hàng hóa xuất khẩu từ các nước khác vào thị trường này

(VTV.vn) - Từ ngày 1/10 tới, Liên minh châu Âu (EU) sẽ thực hiện thí điểm một quy định mới, theo đó sẽ áp giá carbon đối với hàng hóa xuất khẩu từ các nước khác vào thị trường này.

Mức giá cao hay thấp sẽ dựa trên tính toán lượng khí carbon phát thải ra nhiều hay ít để sản xuất mặt hàng đó.



(Ảnh: Socialists and Democrats)

(xem tiếp trang 3)

TRONG SỐ NÀY

Nội dung	Trang
1. EU áp giá carbon đối với hàng hóa xuất khẩu từ các nước khác vào thị trường này	1, 3
2. Hàng rào kỹ thuật nhìn từ chuyện trái thanh long, sầu riêng	3-6
3. Liên minh châu Âu áp dụng thêm quy định mới đối với thủy sản Việt Nam	6-8
4. EU miễn kiểm tra tại cửa khẩu đối với một số đồ uống và thực phẩm	8
5. Quy định ghi nhãn xuất xứ một số hàng dệt may của Đài Loan	8-10
6. EU hướng dẫn trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất trong lĩnh vực dệt may và chống rác thải dệt may	10-12
7. Vượt rào cản kỹ thuật để giữ vững thị trường xuất khẩu	13-15
8. Đáp ứng quy định về TBT khi xuất khẩu dệt may và gổ sang các thị trường đối tác lớn	16-18
9. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý đổi mới sáng tạo mang lại lợi ích tiềm năng cho doanh nghiệp	18-20
10. Tổng hợp danh mục các Tin cảnh báo WTO cần chú ý trong quý III/2023	21-25
11. Chuyên mục hoạt động TC-ĐL-CL	26-30

EU áp giá carbon đối với hàng hóa xuất khẩu từ các nước khác vào thị trường này

(tiếp theo trang 1)

Trước mắt, quy định này sẽ được áp dụng với các mặt hàng có lượng phát thải carbon cao, mà EU xếp vào 6 nhóm sản phẩm là xi măng, sắt thép, nhôm, phân bón, điện và khí hydro. Như vậy, bất cứ nước nào xuất khẩu những mặt hàng thuộc danh sách này sẽ chịu tác động từ cơ chế điều chỉnh carbon của EU.

Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (tên gọi tắt tiếng Anh là CBAM) sẽ áp giá carbon đối với tất cả hàng hóa nhập khẩu vào thị trường các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU) dựa trên cường độ phát thải khí nhà kính trong quy trình sản xuất tại nước sở tại.

Việc áp giá carbon là trụ cột quan trọng trong các chính sách khí hậu của châu Âu và đã được các nước thành viên của Liên minh nhất trí thực hiện từ tháng 12/2022.

Ông Pascal Canfin, Chủ tịch Ủy ban Môi trường của Nghị viện châu Âu, tuyên bố: "Đây là một thỏa thuận lịch sử. Chúng tôi đã thảo luận về vấn đề này trong ít nhất hai thập kỷ qua. Và giờ đây chúng tôi đã thành công. Liên minh châu Âu là khu vực thương mại đầu tiên trên thế giới áp giá carbon đối với hàng hóa nhập khẩu".

Theo quy định mới, các nhà nhập khẩu sẽ phải báo cáo lượng khí thải có trong hàng hóa nhập khẩu, và họ sẽ phải mua 'chứng chỉ khí thải' theo mức giá carbon hiện nay tại EU. Việc này nhằm cân bằng giá carbon giữa sản phẩm nhập khẩu và sản phẩm nội địa châu Âu vốn có giá cao hơn do phải tuân thủ những quy định chặt chẽ về phát thải.

Những nước chịu ảnh hưởng đầu tiên từ Cơ chế CBAM là 5 đối tác thương mại hàng đầu của EU tại châu Á gồm Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc và Ấn Độ.

Hàng rào kỹ thuật nhìn từ chuyên trái thanh long, sầu riêng

(Congthuong.vn) - 8 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu rau quả đạt mốc 3,45 tỷ USD, vượt kim ngạch xuất khẩu rau quả của cả năm 2022 (3,16 tỷ USD).

8 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu rau quả đạt mốc 3,45 tỷ USD, vượt kim ngạch xuất khẩu rau quả của cả năm 2022 (3,16 tỷ USD) và với tốc độ tăng trưởng có thể vượt kỷ lục 3,81 tỷ USD vào năm 2018.

Có thể nói, kết quả ấn tượng mà ngành rau quả đạt được có thể coi là một điểm sáng trong bức tranh xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm. Tuy nhiên, bên cạnh niềm vui cũng đã và đang xuất hiện nhiều tín hiệu cảnh báo.



Xuất khẩu thanh long

Vui đấy nhưng cũng nhiều nỗi lo

Mới đây nhất, có thông tin Cục Tiêu chuẩn Thực phẩm Anh (FSA) và Cục Tiêu chuẩn Thực phẩm Scotland (FSS) cho rằng trái thanh long Việt Nam có dư lượng thuốc trừ sâu, tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng. Do đó, FSA và FSS đang đề xuất đưa trái thanh long Việt Nam từ Phụ lục II (sản phẩm phải được xét nghiệm và được cấp giấy chứng nhận an toàn tại Việt Nam trước khi xuất khẩu) sang Phụ lục I (sản phẩm phải được xác minh và tái kiểm thực tế 50% tại cảng đến trước khi được phép lưu thông trên thị trường).

Nếu đề xuất này được đưa vào thực thi sẽ rất khó khăn đối với các doanh nghiệp xuất khẩu trái thanh long của Việt Nam.

Trước thông tin này, Cục Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn) cho biết, tính từ năm 2020 đến tháng 7/2023, Văn phòng SPS Việt Nam (Văn phòng Thông báo và

Điểm hỏi đáp quốc gia về Vệ sinh Dịch tễ và Kiểm dịch Động thực vật Việt Nam) chưa nhận được thông báo vi phạm nào về các lô hàng thanh long tươi và đông lạnh xuất khẩu sang Vương quốc Anh.

Trao đổi với báo chí, Lãnh đạo Văn phòng SPS Việt Nam khẳng định, việc một siêu thị nào đó ở Anh dùng bán sản phẩm thanh long Việt Nam là hoạt động không liên quan đến việc phía Anh dự kiến tăng tần suất kiểm tra. Việc gia tăng hay giảm tần suất kiểm tra cũng là hoàn toàn bình thường trong thương mại nông sản quốc tế. Hiện, xuất khẩu thanh long của Việt Nam sang Anh vẫn diễn ra bình thường.

Theo ý kiến của một số chuyên gia, nên xem xét ở góc độ liệu đây có phải là một giải pháp kỹ thuật của đối tác nhằm "làm khó" trái thanh long Việt Nam, cũng như đã từng xảy ra với một số mặt hàng nông sản xuất khẩu khác. Nhận định này, có thể chưa hoàn toàn chính xác trong tình huống cụ thể nhưng ở bình diện lớn hơn cũng đặt ra những vấn đề cần được xem xét thấu đáo, nghiêm túc.

Ví dụ thời gian qua, các cơ quan chức năng của Việt Nam liên tục nhận được thông báo của nước nhập khẩu về việc trái cây xuất khẩu của Việt Nam không tuân thủ các yêu cầu về kiểm dịch thực vật. Cụ thể các sản phẩm chuối, xoài, sầu riêng, mít, thanh long, nhãn... xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc; hay sầu riêng, chôm chôm, ổi xuất khẩu sang Đức, Pháp, Tây Ban Nha hay ổi đông lạnh xuất khẩu sang Hàn Quốc có dư lượng hóa chất vượt quá quy định. Đối tác yêu cầu Việt Nam phải có biện pháp kiểm soát chặt chẽ các đối tượng kiểm dịch thực vật và dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật tồn dư trong các lô hàng xuất khẩu...

Hay như trái sầu riêng cũng là mặt hàng liên tục bị cảnh báo vi phạm về kiểm dịch thực vật, chất lượng không đảm bảo khi múi bị sũng sượng, thối hỏng vì trái bị cắt non. Nguyên nhân do có những thời điểm giá lên cao, thương lái gom hàng mạnh, chủ vườn tham lãi nên tranh thủ cắt một lần sạch vườn, không cần chọn lựa, sàng lọc.

Cần chấp nhận luật chơi để lớn mạnh

Từ trái thanh long và sầu riêng, nên nhắc lại một câu chuyện không mới: Đó là rào cản kỹ thuật trong thương mại. Vấn đề dường như vẫn chưa có sự quan tâm đúng mức từ người sản xuất và doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh khó khăn do Covid-19 bùng phát, sau đó là suy giảm ở những thị trường xuất khẩu lớn, chúng ta phải tập trung ưu tiên đa dạng hóa, khai mở thị trường.

Ngay từ thời điểm Hiệp định Thương mại tự do EVFTA (Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU), UKFTA (Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh) đi vào thực thi, các chuyên gia của Bộ Công Thương đã khuyến nghị, cơ hội gia tăng xuất khẩu của Việt Nam sẽ rất lớn, đặc biệt là nông lâm thủy sản. Tuy nhiên, các nhà sản xuất và doanh nghiệp cần lưu ý về các biện pháp phi thuế quan (Non-tariff measures-NTMs) hay còn gọi là hàng rào kỹ thuật gồm 2 hình thức phổ biến: các biện pháp vệ sinh dịch tễ (SPS - Sanitary and Phytosanitary) và hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT - Technical Barriers to Trade).

Về lý thuyết, SPS hay TBT của các FTA đều tuân thủ các quy định chung của WTO, nhằm mục đích bảo vệ tính mạng hoặc sức khỏe con người, động vật hoặc thực vật trên lãnh thổ

của bên xuất khẩu cũng như nhập khẩu, không phân biệt đối xử hay tạo ra các rào cản thương mại.

Tuy nhiên, một khía cạnh khác của vấn đề là, các biện pháp kỹ thuật có thể được nước nhập khẩu sử dụng để bảo hộ sản xuất trong nước, hoặc dùng để hạn chế hàng hóa của một đối tác này và tăng ưu đãi cho một đối tác khác. Tất nhiên, khi áp dụng, các nền kinh tế lớn đều nghiên cứu kỹ lưỡng, chặt chẽ để giải thích hợp lý trong quan hệ ngoại giao, hoặc xa hơn - có biện pháp phòng vệ nếu bị khởi kiện ra tòa án giải quyết tranh chấp thương mại của WTO.

Quay trở lại sự việc những trái sầu riêng xuất khẩu bị đối tác cảnh báo vì thối hỏng do cất non, nếu ngay từ khâu kiểm định được tiến hành nghiêm ngặt, tuân thủ tiêu chuẩn trước khi xuất khẩu thì những sản phẩm như vậy đã không "lọt lưới".

Ngoài ra, có thể thấy các tiêu chuẩn của Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế còn một khoảng cách. Ví dụ như Việt Nam đang áp dụng phổ biến tiêu chuẩn VietGap nhưng các thị trường nhập khẩu và người tiêu dùng toàn cầu ưa chuộng các tiêu chuẩn Global Gap, BAP và các tiêu chuẩn quốc tế khác. Do đó, các nhà sản xuất, doanh nghiệp Việt cần hướng đến tham khảo chuẩn EU để thiết kế quy trình sản xuất, chế biến, nuôi trồng sản phẩm. Dù rằng các tiêu chuẩn này cao hơn Việt Nam và các chuẩn ở các thị trường khác, tốn kém nhiều chi phí hơn nhưng một mặt sẽ giúp cho việc hàng hóa nông sản của Việt Nam có được uy tín với bạn hàng, một mặt giúp các cơ quan quản lý "dễ ăn nói" khi cần đàm phán.

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, một số quốc gia đã nghiên cứu, nhanh chóng ứng dụng công nghệ sinh học tiên tiến để sản xuất được nhiều loại nông sản, trong đó có những trái cây tương tự Việt Nam như quả có múi, vải, thanh long, xoài... Do đó, các nhà sản xuất, doanh nghiệp nên nắm bắt, cập nhật các thông tin thay đổi về SPS và TBT, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng để có sự chuẩn bị tốt nhất, vì những vụ việc như thanh long, sầu riêng... sẽ còn tiếp tục xảy ra.

Cũng cần nói thêm, một số quốc gia trong khu vực như Hàn Quốc, Thái Lan... đã có nhiều kinh nghiệm "bầm dập" vì từng vấp phải những vấn đề tương tự Việt Nam khi xuất khẩu sang các thị trường lớn. Điều quan trọng là họ nghiêm túc tham vấn, học hỏi, khắc phục triệt để các nhược điểm để ngày nay có một vị thế vững vàng trong sân chơi toàn cầu hóa.

Thái Duy

Liên minh châu Âu áp dụng thêm quy định mới đối với thủy sản Việt Nam

(VietQ.vn) - Theo quy định mới được Ủy ban châu Âu đưa ra, các cơ sở sơ chế, cung cấp nguyên liệu hoặc bán thành phẩm cho doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản sang thị trường châu Âu sẽ phải đáp ứng quy định về an toàn thực phẩm, đồng thời phải được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đăng ký trong danh sách những cơ sở được phép xuất khẩu.

Mới đây, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT) Trần Thanh Nam vừa ký công văn về việc đăng ký cơ sở sơ chế cung cấp nguyên liệu, bán thành phẩm để chế biến xuất khẩu và đăng ký kho độc lập bảo quản thành phẩm thủy sản xuất khẩu vào châu Âu (EU).

Theo Bộ NN&PTNT, để đáp ứng quy định mới của Ủy ban châu Âu theo khuyến cáo của đoàn thanh tra EU vào tháng 6/2023 vừa qua, Bộ đã giao nhiệm vụ cho Cục Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường. Cục Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường thẩm định, đánh giá sự tuân thủ quy định, quy chuẩn của Việt Nam và EU về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sơ chế cung cấp nguyên liệu, bán thành phẩm cho doanh nghiệp chế biến và các kho độc lập bảo quản thành phẩm thủy sản xuất khẩu đi thị trường EU.



Thủy hải sản. Ảnh minh họa

Bộ NN&PTNT cũng giao Cục này cấp mã số cơ sở theo quy định tại Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 32/2022/TT-BNNPTNT; sử dụng biểu mẫu và hướng dẫn thẩm định đối với cơ sở sơ chế, kho bảo quản độc lập ban hành kèm theo Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT. Tổ chức đăng ký với cơ quan thẩm quyền EU đưa tên các cơ sở sơ chế cung cấp nguyên liệu, bán thành phẩm cho cơ sở chế biến xuất khẩu, kho độc lập bảo quản thành phẩm thủy sản vào Danh sách cơ sở được phép xuất khẩu vào EU trong trường hợp kết quả thẩm định, đánh giá đạt yêu cầu.

Các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu vào EU chủ động thông báo cho chủ cơ sở sơ chế cung cấp nguyên liệu, bán thành phẩm và cơ sở bảo quản thành phẩm thủy sản đăng ký với Cục Chất lượng Chế biến và Phát triển thị trường và các đơn vị trực thuộc Cục trên địa bàn phụ trách để được thẩm định, đánh giá bổ sung vào Danh sách cơ sở được phép xuất khẩu vào EU.

Khánh Mai (t/h)

EU miễn kiểm tra tại cửa khẩu đối với một số đồ uống và thực phẩm

(Moit.gov.vn) - Ngày 01 tháng 9 năm 2023, Ủy ban châu Âu đã công bố Quy định được ủy quyền công bố số 2023/1674 ngày 19 tháng 6 năm 2023, sửa đổi Quy định được ủy quyền (EU) 2021/630 liên quan đến một số chênh lệch và chế phẩm làm đồ uống có chứa ca cao, một số thực phẩm chế biến từ ngũ cốc hoặc các sản phẩm ngũ cốc, một số thực phẩm chế biến sẵn làm từ gạo và các loại ngũ cốc khác, một số loại khoai tây chiên và khoai tây chiên giòn và một số loại nước sốt, gia vị thuộc danh mục sản phẩm tổng hợp được miễn kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới và sửa đổi Phụ lục I và III của Quy định được ủy quyền (EU) 2019/2122.

Theo đó, EU quy định bắt buộc kiểm tra tại cửa khẩu nhiều mặt hàng thịt, sữa, mì pasta, rau.... Các sản phẩm này được quy định tại điều 2 của Quy định ủy quyền.

Tuy nhiên, một số sản phẩm có thể được miễn kiểm tra nếu đáp ứng các điều kiện tại Điều 3(1), điểm (a), của Quy định (EU) 2021/630 bao gồm bánh, kẹo, các loại ngũ cốc rang, chiết suất, tinh chất cà phê, chè, soup miso..... Các sản phẩm được miễn kiểm tra được quy định tại Phụ lục.

Quy định này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 9 năm 2023.

Thông tin chi tiết xin tham khảo tại: https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/PDF/?uri=OJ:JOL_2023_216_R_0001

Quy định ghi nhãn xuất xứ một số hàng dệt may của Đài Loan

(Tbt.gov.vn) - Ngày 15/8/2023, Cơ quan quản lý Ngoại thương Đài Loan (BOFT) ban hành thông báo số 1120152472 về Quy định ghi nhãn xuất xứ một số hàng dệt may (gọi tắt là Quy định). Nội dung chính của Quy định như sau:

1. Theo thông báo của BOFT, Quy định này được xây dựng theo Điều 11 và Điều 20 của Các biện pháp quản lý nhập khẩu hàng hóa vào Đài Loan có hiệu lực từ ngày 23/6/2023.
2. Hàng dệt may nhập khẩu được liệt kê trong Chương 61 và 62, các sản phẩm khăn có mã HS6302.60.00.00-0, 6302.9 1.00.00-3 và vỏ chăn, ga trải giường, mền lông cừu và chăn lông

vũ (mền) có mã HS 9404.40.00.00-6, trừ khi có quy định khác, nơi xuất xứ chính xác sẽ phải được đánh dấu trên thân hàng hóa. Những mặt hàng không ghi theo quy định sẽ không được phép nhập khẩu, trừ các mặt hàng không ghi theo quy định sẽ không được phép nhập khẩu, trừ các mặt hàng đủ điều kiện được liệt kê trong Phụ lục 1 của Quy định được BOFT duyệt riêng theo quy định tại Điểm 7 của Quy định này.

3. Nguồn gốc của hàng hóa phải được đánh dấu bằng nhãn đường may, nhãn hiệu, dập nóng hoặc in ấn, có thể nhìn thấy rõ ràng và phù hợp với thông lệ quốc tế hoặc dấu hiệu thông thường đối với hàng hóa cụ thể đồng thời phải không dễ bị phá hủy và trong những tình huống dự tính được một cách hợp lý, sau khi trải qua quá trình vận tải, phân phối, người tiêu dùng vẫn có thể dễ dàng xác định nơi xuất xứ sản phẩm. Tuy nhiên, những hàng hóa sau đây không phải tuân theo giới hạn này:

(1) Hàng hóa được treo, có giấy hướng dẫn sử dụng đi kèm, hoặc dán nhãn đánh dấu bằng các cách dễ thấy khác: Quần áo trẻ em bằng cotton; Đồ bơi; Đồ lót (trừ áo ngực); Quần áo không có túi có thể lộn đảo hai mặt; Hàng nhập khẩu đã được cắt may, dán nhãn, dán tem hoặc in theo quy định của nước xuất khẩu ban đầu.

(2) Các sản phẩm tắt dẹt kim của mã HS6115 nếu không khâu gắn nhãn xuất xứ trên thân mỗi đôi tắt, thì trên đơn vị bán nhỏ nhất (cùng một sản phẩm) cần ghi nhãn bằng các cách không dễ thay đổi như treo, kẹp thẻ hoặc dán trên hộp.

4. Nhà nhập khẩu phải đánh dấu quốc gia xuất xứ trên thân sản phẩm bằng tiếng Trung, tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài cùng tên hoặc theo cách thức liệt kê trong Điểm 3 của Quy định. Hàng hóa nhập khẩu từ các quốc gia thành viên EU cũng phải ghi nhãn xuất xứ từ EU bằng tiếng Trung, tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài có nghĩa tương đương.

5. Đối với hàng sản xuất tại Đài Loan song được tái nhập khẩu, bất kể có ghi xuất xứ hàng hóa của Đài Loan hay không, nhà nhập khẩu cần cung cấp bằng chứng cho cơ quan hải quan để chứng minh đây là sản phẩm nội địa, nếu không cung cấp được bằng chứng thì phải thực hiện theo yêu cầu của Quy định này.

6. Hàng hóa nguyên liệu hoặc bán thành phẩm thông qua hợp đồng gia công được BOFT chấp thuận tái nhập khẩu, lại tái xuất sang các khu vực cụ thể như Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu, Canada, Thổ Nhĩ Kỳ hoặc Brazil vv..., nếu quy trình sản xuất chính được thực hiện tại Đài Loan tuân thủ “Tiêu chí xác định quy trình sản xuất chính của hàng dệt may xuất khẩu sang các hời khu vực cụ thể”, hàng hóa được gia công và tái nhập khẩu có thể không ghi nơi xuất xứ hoặc được coi là có ghi nơi xuất xứ đối với hàng sản xuất trong nước.

7. Hàng hóa không được liệt kê trong Điểm 3 song do không thể ghi xuất xứ trên thân sản phẩm hoặc không thể ghi xuất xứ do công dụng đặc thù hoặc trong các trường hợp đặc biệt khác có thể nộp đơn lên BOFT để được miễn trừ nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm theo chuyên án riêng.

8. Hàng hóa nhập khẩu đã được hải quan kiểm tra xác nhận nguồn gốc xuất xứ, nếu xuất xứ không được đánh dấu theo các quy định này hoặc nơi sản xuất không tuân thủ các quy định này, Nhà nhập khẩu phải nộp đơn xin phép với BOFT cam kết bổ sung dán nhãn xuất xứ phụ

để được phép nhập khẩu theo chuyên án riêng. Trường hợp nhà nhập khẩu không tự bổ sung nơi xuất xứ thì cần gửi kèm thư đồng ý cho phép bổ sung của Nhà sản xuất.

9. Văn bản cam kết bổ sung dán nhãn tại Điểm 8 phải nêu rõ các nội dung gồm: (1) Xuất xứ hàng hóa bổ sung. (2) Thời điểm hàng về đến kho nhập khẩu. (3) Ngày bắt đầu và kết thúc việc bổ sung. (4) Phương pháp dán nhãn phụ, bao gồm chất liệu dán nhãn, thông số kỹ thuật và vị trí dán nhãn phụ. (5) Tên và địa chỉ của nhà sản xuất bổ sung.

10. Hàng nhập khẩu đã được phê duyệt bổ sung dán nhãn xuất xứ thì được dán bổ sung tại kho nhập khẩu ban đầu. Nhà nhập khẩu phải thông báo cho BOFT trước khi thực hiện. BOFT sẽ thông báo cho Hải quan giám sát quá trình bổ sung và sau khi kiểm tra rằng thực sự đã hoàn thành tiêu chuẩn xuất xứ bổ sung, BOFT sẽ yêu cầu Hải quan phê duyệt cho phép nhập khẩu.

11. Hoạt động bổ sung nguồn gốc hàng hóa nhập khẩu được hoàn thành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Nhà nhập khẩu nhận được công văn chấp thuận của BOFT. Trong thời hạn này mà chưa thực hiện xong hoặc đã dán nhãn bổ sung song vẫn không đạt yêu cầu sẽ không được phê duyệt cho phép nhập khẩu trừ lý do chính đáng và Nhà nhập khẩu có đơn đề nghị BOFT gia hạn và được BOFT phê duyệt.

EU hướng dẫn triển khai trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất trong lĩnh vực dệt may và chống rác thải dệt may

(Moit.gov.vn) - Theo báo cáo của CBI mới đây, hàng năm người dân ở Liên minh châu Âu (EU) thải bỏ 5,8 triệu tấn hàng dệt may, khoảng 11,3 kg / người. Ngành công nghiệp dệt hoặc chôn lấp phần lớn chất thải này hoặc xuất khẩu dưới dạng quần áo cũ. Vì vậy, EU đã bắt đầu một chiến dịch mới, thiết lập lại xu hướng, để chống lại đồng chất thải dệt ngày càng tăng. Chiến dịch nêu bật một số biện pháp mới để giảm chất thải dệt may: từ yêu cầu thiết kế đến tiêu chí chống quảng cáo tẩy xanh (greenwash).

Đặt lại chiến dịch Xu hướng (ReSet the Trend campaign)

Chất thải dệt may của EU ngày càng nhiều. Từ năm 2025, tất cả các nước EU phải thu gom riêng chất thải dệt may. Vì vậy, EU đã phát động chiến dịch Thiết lập lại xu hướng, giải quyết tất cả các tác nhân trong ngành may mặc: nhà thiết kế, thương hiệu, nhà bán lẻ, người tiêu dùng cuối cùng và nhà sản xuất hàng may mặc trong và ngoài Châu Âu.

Mục tiêu của chiến dịch là đến năm 2030, tất cả các sản phẩm dệt may trên thị trường EU phải:

- Bền và có thể tái chế;
- Làm bằng sợi tái chế càng nhiều càng tốt;
- Không có chất độc hại; Và

- Được sản xuất với sự quan tâm đến các quyền xã hội và môi trường.

Tầm nhìn của chiến dịch nhằm giúp

- Người tiêu dùng được hưởng lợi lâu hơn từ hàng dệt may chất lượng cao;
- Thời trang nhanh sẽ bị lỗi thời;
- Các dịch vụ sửa chữa và tái sử dụng có lợi về mặt kinh tế sẽ được phổ biến rộng rãi.

Tầm nhìn cũng nêu rõ vào năm 2030, các nhà sản xuất hàng may mặc phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về sản phẩm và chất thải của mình.

Xuất khẩu chất thải hàng dệt may

EU cho biết, ngành may mặc của EU hiện nay vẫn thường xuất khẩu phế liệu dệt may sang châu Phi và châu Á. Quần áo cũ xuất khẩu sang Châu Phi thường kết thúc trên thị trường đồ cũ. Chất thải hàng dệt từ châu Âu được vận chuyển đến châu Á thường được tái chế thành vải vụn hoặc tái xuất dưới dạng quần áo cũ và những thứ không phù hợp để sử dụng thường kết thúc ở các bãi chôn lấp hoặc các dòng chất thải không chính thức khác. Châu Âu cho rằng họ cần hiểu rõ hơn và kiểm soát tác động môi trường của chất thải dệt may.

Trách nhiệm nhà sản xuất

Đó là lý do tại sao chiến dịch nêu bật một số biện pháp pháp lý mới cùng với một số biện pháp đã được đưa ra. Điều này gồm các đề xuất mới làm các sản phẩm bền vững trở thành tiêu chuẩn. Các công ty may mặc cũng sẽ kỳ vọng phải đáp ứng các yêu cầu mới về vật liệu tái chế tối thiểu trong hàng dệt may. Các yêu cầu ghi nhãn mới và 'Hộ chiếu sản phẩm kỹ thuật số' dựa trên các yếu tố môi trường quan trọng, thông báo cho người tiêu dùng cuối về tính bền vững của sản phẩm.

EU sẽ xem xét lại luật cơ bản về chất thải của Châu Âu vào năm 2023, tập trung vào trách nhiệm của các nhà sản xuất dệt may sau khi bán hàng dệt may của họ. Hà Lan là một trong những quốc gia thành viên EU đầu tiên giới thiệu trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) như vậy. EU tin rằng EPR là một công cụ hiệu quả vì nó khuyến khích các công ty may mặc sản xuất các mặt hàng có tuổi thọ cao hơn và dễ tái chế hơn.

Những quy định mới

EU đang làm việc về các biện pháp pháp lý mới nhằm:

- Đảm bảo quyền sửa chữa cho người tiêu dùng cuối châu Âu;
- Giảm vi hạt nhựa trong môi trường;
- Đưa ra các tiêu chí để chấm dứt hành vi tẩy xanh;
- Đảm bảo các doanh nghiệp thực hiện các bước trong quá trình thẩm định bền vững của công ty.

Tất cả các biện pháp này là một phần của chiến lược Dệt may tuần hoàn và bền vững của EU tới năm 2030.

Con đường phía trước

Tất cả các biện pháp mới này sẽ ảnh hưởng đến cách các nhà sản xuất hàng may mặc (có thể) kinh doanh ở châu Âu trong tương lai. Phần lớn chất thải dệt may hiện nay chưa thể tái chế thành quần áo mới vì nguyên liệu kém chất lượng hoặc bị pha trộn lẫn lộn. Tái chế hóa chất sẽ có tác động đến môi trường. Tái chế cơ học tạo sẽ ra sợi ngắn hơn, vì vậy việc trộn với sợi mới vẫn là cần thiết. Tuân thủ REACH là một thách thức khác với tái chế cơ học.

Phát triển các sản phẩm có tuổi thọ cao hơn và dễ tái chế dường như là hướng đi thiết thực nhất đối với các nhà sản xuất hàng may mặc. Sự phát triển này bao gồm:

- Sử dụng sợi và vải chất lượng cao hơn, tốt nhất là bằng vật liệu tái chế; Và
- Khám phá những cách sản xuất mới, tập trung vào những cách dễ dàng để tân trang, tháo dỡ hoặc tái chế quần áo.
- Thu hút người mua hàng tham gia vào quá trình này vì những chiến lược này có thể sẽ liên quan đến việc sử dụng các vật liệu và phương pháp sản xuất tương đối đắt tiền.



**PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH:
XU HƯỚNG TẤT YẾU CỦA NỀN KINH TẾ
HIỆN TẠI VÀ TRONG TƯƠNG LAI**

Vượt rào cản kỹ thuật để giữ vững thị trường xuất khẩu

(HQ Online) - Xu hướng tiêu dùng đang thay đổi. Yêu cầu tiêu chuẩn về nông, lâm, thủy sản của các thị trường cũng trở nên ngày càng cao. Nhiều quốc gia đang đặt ra các rào cản kỹ thuật đối với sản phẩm nông, lâm, thủy sản nhập khẩu nhằm bảo vệ môi trường... đây là thách thức mà các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam phải vượt qua để tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.



Dự báo, xuất khẩu tôm của Việt Nam trong năm 2023 sẽ phải đối mặt với rất nhiều khó khăn. Ảnh: N.Thanh

Tuân thủ, áp dụng các hệ thống chất lượng phù hợp

Theo Cục Thủy sản, Việt Nam có nhiều lợi thế để phát triển nuôi tôm và chế biến các sản phẩm từ tôm, đặc biệt là ở Đồng bằng sông Cửu Long, nơi chiếm 95% sản lượng tôm và cũng

là trung tâm của các nhà máy chế biến tôm. Năm 2022, xuất khẩu tôm của Việt Nam đạt kỷ lục 4,3 tỷ USD, tăng 11% so với năm 2021. Việt Nam là nước đứng thứ 3 thế giới (sau Ấn Độ và Ecuador) về xuất khẩu tôm. Trung bình 5 năm qua xuất khẩu tôm của nước ta tăng trưởng 5% mỗi năm. Các thị trường chính của tôm Việt Nam vẫn là Mỹ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc, Hàn Quốc. Là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn, đi đầu trong hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, ngành chế biến thủy sản đang phải đối mặt với những yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường quốc tế đối với thủy sản xuất khẩu. Các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản Việt Nam phải đáp ứng tất cả các yêu cầu về chất lượng sản phẩm, đồng thời phải đáp ứng những yêu cầu về trách nhiệm xã hội (đặc biệt là các trách nhiệm đối với người lao động).

Ông Lê Văn Quang, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú cho biết, hiện trên thế giới, tôm Ecuador có nhiều ưu điểm vượt trội như được nuôi gần như là quảng canh với hệ số thức ăn rất thấp (gần như không cần cho tôm ăn), vì vậy chi phí nuôi cũng rất thấp. Hơn nữa, khi so sánh với tôm nuôi thâm canh, siêu thâm canh thì tôm Ecuador ngon hơn nhiều, vị tôm rất ngọt. Vì vậy, các nhà nhập khẩu và tiêu dùng nước ngoài đặc biệt chuộng tôm có xuất xứ Ecuador. Về màu sắc, tôm của Ecuador cũng có màu rất đẹp, đạt yêu cầu về màu sắc sản phẩm. Ngoài ra, Ecuador gần như không dùng hóa chất, kháng sinh nên không phải lo lắng về vấn đề dư lượng hóa chất, kháng sinh. Đặc biệt là, phần lớn tôm nuôi ở Ecuador đều đạt chứng nhận, chứng chỉ quốc tế, nên rất được các thị trường nhập khẩu ưa chuộng.

Trong khi đó, mặt trái của tôm nuôi thâm canh, siêu thâm canh lại khá nhiều. Cụ thể, chi phí đầu vào cao, dẫn tới giá thành sản phẩm cao, khiến tôm nuôi thâm canh, siêu thâm canh không có được lợi thế cạnh tranh về giá như tôm Ecuador. Mặt khác, tôm được nuôi với mật độ cao nên dễ bị stress, tăng trưởng chậm, dễ mắc bệnh, phải sử dụng thuốc. Hệ lụy là, việc lạm dụng thuốc, hóa chất, kháng sinh không những làm tăng nguy cơ dư lượng hóa chất, kháng sinh vượt ngưỡng cho phép, mà còn phá hủy môi trường. Cùng với đó, thức ăn dư thừa cũng khiến môi trường nước bị ô nhiễm, tôm bị giảm sức đề kháng, dễ nhiễm bệnh.

Chính vì vậy để nâng cao giá trị xuất khẩu, theo các chuyên gia, một trong những vấn đề quan trọng khi xuất khẩu sản phẩm nông, lâm, thủy sản ra thị trường thế giới, doanh nghiệp nên tuân thủ, áp dụng các hệ thống chất lượng phù hợp, thực hiện các biện pháp an toàn thực phẩm... để sản phẩm đủ sức cạnh tranh tại các thị trường khó tính, không nên tính toán cách đối phó.

Cơ hội nâng cao sức cạnh tranh

Về rào cản kỹ thuật đối với sản phẩm nông lâm thủy sản hiện nay, các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật, tiêu chuẩn và chứng nhận chất lượng, mức dư lượng cho phép thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật; yêu cầu ghi nhãn và đóng gói, truy xuất nguồn gốc... là những yêu cầu mà các quốc gia nhập khẩu đặt ra. Bên cạnh đó, thị trường Mỹ và EU cũng đặt ra các biện pháp kỹ thuật (TBT) đối với xuất khẩu nông lâm thủy sản là bảo vệ an ninh quốc gia, môi trường, cạnh tranh lành mạnh, bảo vệ sức khỏe...

Hiện các rào cản kỹ thuật của EU với trái cây nhập khẩu tập trung phần lớn vào các biện pháp kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm (biện pháp SPS) bên cạnh đó, cũng có một số quy định kỹ thuật và tiêu chuẩn bắt buộc (biện pháp TBT). Trong đó, các biện pháp SPS gồm yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm; quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và tạp chất; kiểm dịch thực vật và đánh giá sự phù hợp. Và các biện pháp TBT gồm quy định về dán nhãn và tiêu chuẩn tiếp thị. EU yêu cầu các doanh nghiệp thực phẩm nước ngoài phải tuân thủ nguyên tắc Phân tích các mối nguy hiểm và điểm kiểm soát quan trọng (the Hazard Analysis and Critical Control Point- HACCP). Do vậy, muốn thuyết phục nhà nhập khẩu EU thì doanh nghiệp xuất khẩu cần chuẩn bị cung cấp chứng nhận HACCP với trái cây qua chế biến và Global GAP với trái cây tươi. Yêu cầu áp dụng HACCP với hàng nhập khẩu của EU là chặt chẽ hơn nhiều thị trường khác Việc tuân theo các nguyên tắc và yêu cầu của các hệ thống này vẫn là một thách thức với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt từ các nước kém phát triển và đang phát triển như Việt Nam.

Bên cạnh đó, EU cũng có quy định về mức độ dư lượng tối đa (MRL) cho thuốc bảo vệ thực vật đối với các sản phẩm thực phẩm để bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và môi trường tại Quy định EC số 396/2005. Tất cả sản phẩm thực phẩm nhập khẩu sẽ bị trục xuất khỏi thị trường EU nếu chúng có chứa thuốc bảo vệ thực vật bất hợp pháp hoặc lượng thuốc bảo vệ thực vật tồn dư cao hơn so với giới hạn mà quy định đặt ra. So với các thị trường xuất khẩu khác của Việt Nam, mức MRL mặc định của EU rất thấp và số lượng những loại thuốc bảo vệ thực vật được chấp thuận bởi EU lại ít. Hệ thống quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật của EU còn phức tạp vì được cập nhật thường xuyên. Mỗi năm, Quy định 396/2005 được sửa đổi nhiều lần. Tiêu chuẩn MRL của một số loại thuốc bảo vệ thực vật được xem xét sửa đổi liên tục, khiến các nhà xuất khẩu nước ngoài khó cập nhật và tuân thủ theo.

Thêm vào đó, mức MRL EU áp dụng với một số sản phẩm cụ thể rất khác với mức mà Codex hay các quốc gia khác áp dụng. Vì các sản phẩm không chỉ xuất khẩu vào thị trường EU mà còn vào nhiều thị trường khác, sự khác nhau trong tiêu chuẩn của từng thị trường có thể khiến các nhà xuất khẩu nhầm lẫn và khó tuân thủ hơn. Chẳng hạn, xoài Việt Nam xuất khẩu sang EU, Mỹ và Nhật Bản phải tuân thủ các mức MRL khác nhau với một số loại thuốc bảo vệ thực vật, trong đó hầu hết MRL của EU chặt chẽ hơn so với các nước khác.

Mặc dù khi đáp ứng các biện pháp kỹ thuật của các thị trường khó tính sẽ khiến tăng cao chi phí; thị trường tiếp cận bị hạn chế, gây khó khăn cho doanh nghiệp vừa và nhỏ vì chi phí cho việc áp dụng biện pháp kỹ thuật có thể tăng lên, nhưng nếu đáp ứng được các biện pháp kỹ thuật sẽ thúc đẩy các doanh nghiệp xuất khẩu nỗ lực nâng cao sức cạnh tranh; doanh nghiệp xuất khẩu ý thức hơn về việc đoàn kết, phát huy sức mạnh để vượt qua hàng rào phi thuế quan...

Đáp ứng quy định về TBT khi xuất khẩu dệt may và gỗ sang các thị trường đối tác lớn

Hàng rào kỹ thuật trong thương mại hay gọi tắt là TBT là một trong các cam kết của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Theo cam kết này, các biện pháp TBT được các nước trong đó có Việt Nam xây dựng, ban hành hay áp dụng không gây cản trở thương mại quá mức cần thiết. Để thực hiện điều này, các nước phải cân bằng được giữa việc tránh ban hành các rào cản không cần thiết cho thương mại quốc tế với việc đưa ra các chính sách quản lý để đảm bảo các lợi ích hợp pháp của quốc gia. Đó là các lợi ích liên quan tới bảo vệ sức khỏe, sự an toàn của người dân, bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh quốc gia... Tiêu chuẩn quốc tế chính là yếu tố đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích và nghĩa vụ này.

Theo thống kê của Ủy ban TBT thuộc WTO, bất chấp sự bùng nổ của đại dịch COVID-19 trong 2 năm 2020-2021 làm cho thương mại thế giới bị ngưng trệ, số biện pháp TBT của các nước Thành viên WTO xây dựng, ban hành và áp dụng vẫn tăng từ 15-20% so với năm 2019.



Cụ thể năm 2020 các nước đã xây dựng, sửa đổi, bổ sung 3352 biện pháp và năm 2021 là 3966 biện pháp. Cũng theo thống kê của WTO, đến hết năm 2020, các nước thành viên của tổ chức này thông báo đang xây dựng mới, sửa đổi và bổ sung khoảng 900 biện pháp liên quan tới dệt may (trong đó Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản gần 100 biện pháp) và gần 400 biện pháp liên quan tới gỗ (3 nước Hoa Kỳ, EU và Hàn Quốc chiếm 1/3 số biện pháp này).

Theo định nghĩa của Hiệp định TBT của WTO, quy chuẩn kỹ thuật sẽ gồm các quy định bắt buộc áp dụng liên quan tới đặc tính kỹ thuật, phương pháp sản xuất, chế biến, các quy định thủ tục hồ sơ quản lý và các quy định liên quan tới bao gói, ghi dấu, ghi nhãn, thuật ngữ, biểu tượng. Thủ tục đánh giá sự phù hợp gồm các quy trình sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp để xác định việc đáp ứng các yêu cầu và quy định kỹ thuật hoặc các tiêu chuẩn liên quan của sản phẩm, hàng hóa.

Nhìn chung, đối với nhóm sản phẩm dệt may và gỗ, các biện pháp TBT được các nước xây dựng nhằm mục đích bảo vệ an toàn và sức khỏe của người tiêu dùng, đặc biệt trong đó có các quy định riêng với các sản phẩm dùng cho trẻ em. Nếu nhìn tổng quát, có thể chia các biện pháp TBT của các thị trường Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản đối với dệt may thành các nhóm quy định liên quan tới quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp.

Để có thể xuất khẩu sản phẩm dệt may vào các thị trường này doanh nghiệp bắt buộc phải đáp ứng các quy định trong quy chuẩn kỹ thuật và thực hiện các thủ tục đánh giá sự phù hợp để đảm bảo rằng các sản phẩm của mình đáp ứng các yêu cầu, quy định tương ứng bên cạnh các yêu cầu riêng của các nước thành viên như trường hợp của EU hoặc các yêu cầu riêng của nhãn hàng như trường hợp của H&M, UNIQLO...

Ví dụ với thị trường Hoa Kỳ, nhóm quy chuẩn kỹ thuật đối với mặt hàng dệt may sẽ bao gồm các quy định về tính cháy của sản phẩm, các quy định này nhằm đánh giá được khả năng cháy của sản phẩm qua đó cấm sử dụng các nguyên liệu dệt may bắt cháy nguy hiểm; quy định về ghi nhãn sản phẩm nhằm đảm bảo trách nhiệm và quyền lợi của các nhóm đối tượng doanh nghiệp như nhà sản xuất, gia công, đơn vị quảng cáo, người tiêu dùng... đối với việc cung cấp thông tin về thành phần vải, thương hiệu vải, hàm lượng vải... trên nhãn sản phẩm dệt may.

Ngoài ra còn các quy định kỹ thuật khác liên quan tới hóa chất và chất độc hại nhằm bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng, cụ thể đảm bảo hàm lượng hóa chất hoặc chất độc hại sẽ được kiểm soát ở các mức độ khác nhau không gây hại cho người tiêu dùng và trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc sản xuất các sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn cho người tiêu dùng.

Riêng với trẻ em các nước như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản đều có các quy định kỹ thuật riêng nhằm đảm bảo an toàn cho nhóm đối tượng này như các quy định liên quan tới điểm nhọn, cạnh sắc, dây buộc, dây rút, dây luồn...

Tương tự như sản phẩm dệt may, để xuất khẩu sản phẩm gỗ, cụ thể vào Hoa Kỳ, EU và Hàn Quốc, doanh nghiệp cũng cần lưu ý tới các quy định kỹ thuật hay biện pháp TBT gồm quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp của các thị trường này. Ví dụ, EU sẽ có các quy định liên quan tới hồ sơ chứng minh nguồn gốc gỗ hợp pháp hay chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm CoC (FSC.PEFC). EU cũng có các quy định về TBT để đảm bảo an toàn của sản phẩm khi được tiêu dùng như yêu cầu về an toàn chậm cháy, yêu cầu về giới hạn các hóa chất độc hại gồm cả formadehyde trong sản phẩm gỗ, hay nhãn mác, bao gói đối với các sản phẩm làm từ gỗ sẽ phải như thế nào...

Để xuất khẩu sản phẩm sang thị trường nước ngoài, dù thị trường nhỏ hay thị trường lớn, doanh nghiệp cũng cần nắm bắt thông tin về các yêu cầu kỹ thuật đối với sản phẩm hàng hóa. Đối với sản phẩm dệt may và gỗ đó là các quy định bắt buộc áp dụng hay còn gọi là các biện pháp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại. Nắm chắc được các thông tin này sẽ giúp doanh nghiệp chủ động trong sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu.

Hiện nay Bộ Công Thương đang phối hợp với Văn phòng TBT Việt Nam hoàn thiện Cẩm nang về TBT đối với sản phẩm dệt may và gỗ cho một số thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam là Hoa Kỳ, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản. Thông tin của cuốn cẩm nang sẽ là một công cụ hữu ích hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ khi bắt đầu tìm hiểu thông tin về quy định TBT đối với dệt may và gỗ khi xuất khẩu sản phẩm.

Tôn Nữ Thục Uyên - Văn phòng TBT Việt Nam

Tiêu chuẩn hệ thống quản lý đổi mới sáng tạo mang lại lợi ích tiềm năng cho doanh nghiệp

(VietQ.vn) - Ủy ban Kỹ thuật ISO TC279 đã xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn mới về Hệ thống quản lý đổi mới sáng tạo (IMS) với sự tham gia, đóng góp của hơn 40 quốc gia vào việc phát triển bộ tiêu chuẩn này. Theo đó, bộ tiêu chuẩn ISO 56000 gồm 07 nhóm tiêu chuẩn, với 08 nguyên tắc quản lý đổi mới sáng tạo để giúp doanh nghiệp thu được các lợi ích từ hoạt động đổi mới sáng tạo.

Luật Khoa học và Công nghệ (Luật số: 29/2013/QH13, ngày 18 tháng 6 năm 2013) quy định rõ: “Đổi mới sáng tạo là việc tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa”.

Khi chủ động quản lý các hoạt động đổi mới sáng tạo sẽ giúp doanh nghiệp nắm bắt cơ hội nhanh hơn, phản ứng kịp thời với thách thức và rủi ro có liên quan, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững. Mặt khác, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp được quản lý đúng phương hướng có thể tạo ra một nền văn hóa sáng tạo, không bỏ lỡ các cơ hội phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Các quá trình và hoạt động hỗ trợ đối với đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp có thể được quản lý trong một hệ thống thống nhất được gọi là Hệ thống quản lý đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp (Innovation Management System, IMS). Theo đó, Ủy ban Kỹ thuật ISO TC279 đã xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn mới về Hệ thống quản lý đổi mới sáng tạo (IMS) với sự tham gia, đóng góp của hơn 40 quốc gia vào việc phát triển bộ tiêu chuẩn này.

Hệ thống IMS là cách tiếp cận mới, được tiêu chuẩn hóa và sử dụng để hướng dẫn quản lý đổi mới sáng tạo với các thuật ngữ, công cụ, phương pháp và hướng dẫn để quản lý tương tác giữa các đối tác, sở hữu trí tuệ, chiến lược và các ý tưởng.

Việc thực hiện các tiêu chuẩn IMS giúp doanh nghiệp có thể định vị, hỗ trợ triển khai thành công hoạt động đổi mới sáng tạo một cách bền vững, thông qua phát triển khả năng lãnh đạo, tuân thủ thiết kế và thực hành tốt các hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.



Bộ tiêu chuẩn ISO 56000 tập hợp các quy trình vận hành tiêu chuẩn được thiết kế để cung cấp khuôn khổ chung để thực hiện thành công, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý đổi mới. Ảnh minh họa.

IMS gồm 07 nhóm tiêu chuẩn, với 08 nguyên tắc quản lý đổi mới sáng tạo để giúp doanh nghiệp thu được các lợi ích từ hoạt động đổi mới sáng tạo. Việc áp dụng và triển khai các IMS trong doanh nghiệp phụ thuộc vào mức độ thích ứng nhất định của doanh nghiệp. Doanh nghiệp khác nhau sẽ có các cấp độ đổi mới sáng tạo khác nhau, phụ thuộc vào tổ chức của doanh nghiệp và các cách tiếp cận khác nhau. Điều này đặt ra thách thức đối với việc áp dụng thành công hệ thống tiêu chuẩn hóa đối với sự đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.

Có thể thấy rằng, không có một mô hình, hệ thống công việc nào đảm bảo sự thành công, mà chỉ làm tăng xác suất thành công cho doanh nghiệp. IMS tập trung xem xét các cấp độ tác động khác nhau của hoạt động đổi mới sáng tạo, không xem xét vào cách thức triển khai cụ thể trong từng doanh nghiệp. IMS hướng dẫn cho doanh nghiệp kiến thức cần thiết, một số nguyên tắc chính để hướng dẫn xây dựng hệ thống làm việc hiệu quả.

IMS mang lại những lợi ích tiềm năng cho doanh nghiệp như: tăng doanh thu, lợi nhuận và khả năng cạnh tranh; tăng năng suất và hiệu quả sử dụng nguồn lực; tăng sự hài lòng của người tiêu dùng, khách hàng, công dân và các lợi ích xã hội...

Việc thực hiện đúng theo các hướng dẫn của IMS cho phép doanh nghiệp thực hiện quản lý hoạt động đổi mới sáng tạo, coi đổi mới sáng tạo vừa là động lực phát triển, vừa là phương tiện để tiếp tục thúc đẩy kinh doanh, đồng thời cũng là công cụ giúp doanh nghiệp ứng phó với sự thay đổi thị trường và cạnh tranh khốc liệt về công nghệ. Các tiêu chuẩn được sử dụng

để cung cấp, hướng dẫn doanh nghiệp nền tảng, các quy trình, hệ thống cần thiết, nguồn lực con người và các mối quan hệ đối tác... để đảm bảo hoạt động đổi mới sáng tạo thành công trong doanh nghiệp. Hơn nữa, IMS cũng là nền tảng quan trọng để thực hiện những sự thay đổi khác trong doanh nghiệp trong trường hợp cần thiết.

Bộ tiêu chuẩn ISO 56000 cho IMS bao gồm:

ISO 56000: 2020 Quản lý đổi mới sáng tạo - Nguyên tắc cơ bản và từ vựng (Innovation Management - Fundamentals and vocabulary).

ISO 56002: 2019 Hệ thống quản lý đổi mới sáng tạo (ISO 56002: 2019 Innovation Management System).

ISO 56003: 2019 Quản lý đổi mới sáng tạo - Công cụ và phương pháp đối với quan hệ đối tác đổi mới sáng tạo (ISO 56003 Innovation Management - Tools and methods for innovation partnership).

ISO/TR 56004: 2019 Đánh giá quản lý đổi mới sáng tạo (ISO/TR 56004: 2019 Innovation Management Assessment).

ISO/DIS 56005 Quản lý đổi mới sáng tạo - Quản lý tài sản trí tuệ (ISO/DIS 56005 Innovation Management - Intellectual property management).

ISO/CD 56006 Quản lý đổi mới sáng tạo - Quản lý chiến lược thông minh (ISO/CD 56006 Innovation Management - Strategic intelligence management).

ISO/AWI 56007 Quản lý đổi mới sáng tạo - Quản lý ý tưởng (ISO/AWI 56007 Innovation Management - Idea management)

Thanh Tùng



**Tổng hợp danh mục các Tin cảnh báo WTO
cần chú ý trong quý III/2023**

Mã thông báo	Quốc gia	Sản phẩm	Ngày thông báo
G/TBT/N/EU/992	EU	Sản phẩm vật liệu xây dựng – Bổ sung quy định EU số 305/2011 về yêu cầu kháng cháy của sản phẩm vật liệu xây dựng	06/07/2023
G/TBT/N/THA/707	Thái Lan	Thực phẩm	10/07/2023
G/TBT/N/THA/706	Thái Lan	Thực phẩm: yêu cầu về ghi nhãn đối với một số thực phẩm chế biến đóng gói sẵn	10/07/2023
G/TBT/N/EU/996	EU	Hoạt chất trừ sâu Metiram	20/07/2023
G/TBT/N/THA/709	Thái Lan	Dự thảo quy định về giấy sập dùm trong chế biến thực phẩm	19/07/2023
G/TBT/N/EU/995	EU	Sản phẩm hữu cơ nhập khẩu: sửa đổi quy định EU số 2021/1342	20/07/2023
G/TBT/N/EU/997	EU	Hoạt chất trừ sâu Bentiavalicarb	20/07/2023
G/TBT/N/KOR/1157	Hàn Quốc	Sửa đổi tiêu chuẩn ghi nhãn thực phẩm	24/07/2023
G/TBT/N/AUS/158	Úc	Đồ nội thất	25/07/2023
G/TBT/N/USA/2024	Hoa Kỳ	Hóa chất Carbon Tetrachloride (CTC) theo Luật kiểm soát chất độc hại (TSCA)	31/07/2023
G/TBT/N/EU/1001	EU	Sản phẩm hữu cơ theo quy định EU số 2021/1165	02/08/2023

G/TBT/N/KOR/1157/Add.1	Hàn Quốc	Sửa đổi tiêu chuẩn ghi nhãn thực phẩm	17/08/2023
G/TBT/N/TPKM/469/Add.1	Đài Loan	Dự thảo sửa đổi Quy định về công bố dinh dưỡng cho sản phẩm thực phẩm đóng gói sẵn	21/08/2023
G/TBT/N/GBR/67	Anh	Sửa đổi tiêu chuẩn GB về phân loại và ghi nhãn 26 hóa chất độc hại	24/08/2023
G/TBT/N/USA/2040	Hoa Kỳ	Sản phẩm gỗ nội thất	25/08/2023
G/TBT/N/KOR/1163	Hàn Quốc	Sửa đổi quy định về ghi nhãn và quảng cáo thực phẩm	28/08/2023
G/TBT/N/CHN/1749	Trung Quốc	Tiêu chuẩn quốc gia Trung Quốc yêu cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất – Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật chung	28/08/2023
G/TBT/N/TUR/135/Add.1	Thổ Nhĩ Kỳ	Vật liệu nhựa tiếp xúc với thực phẩm	04/09/2023
G/TBT/N/BHR/678	Bahrain	Tiêu chuẩn quốc gia Bahrain: Sản phẩm Halal – Phần 3: Yêu cầu chung về tổ chức công nhận tổ chức chứng nhận sản phẩm Halal	04/09/2023
G/TBT/N/IDN/113/Add.2	Indonesia	Dự thảo Quy định về việc bắt buộc thực hiện Tiêu chuẩn SNI Cá nưê đóng hộp (SNI 8223:2016) và Cá thu đóng hộp (SNI 8222:2016).	05/09/2023
G/TBT/N/IND/307-301	Ấn Độ	Bao/ Túi đựng làm bằng vải	13/09/2023
G/TBT/N/AUS/135/Add.1	Úc	Care label cho sản phẩm dệt may	15/09/2023
G/TBT/N/CHN/447/Add.2	Trung Quốc	Tiêu chuẩn quốc gia Trung quốc: Hạn chế các yêu cầu đóng gói quá mức đối với thực phẩm và mỹ phẩm	15/09/2023

Indonesia thông báo dự thảo Quy định về Tiêu chuẩn cá đóng hộp

Ngày 05/9/2023, Indonesia thông báo G/TBT/N/IDN/113/Add.2 dự thảo Quy định về việc bắt buộc thực hiện Tiêu chuẩn SNI Cá ngừ đóng hộp (SNI 8223:2016) và Cá thu đóng hộp (SNI 8222:2016).

Dự thảo quy định này nêu rõ tất cả cá ngừ, cá mèi và cá thu được sản xuất đóng hộp trong nước hoặc nhập khẩu, phân phối và tiếp thị trong nước phải đáp ứng các yêu cầu của SNI. Do đó, nhà sản xuất sản xuất các sản phẩm này phải tuân thủ các yêu cầu đã được chứng minh bằng việc có Giấy chứng nhận sản phẩm sử dụng nhãn hiệu SNI.



Giấy chứng nhận sản phẩm mang nhãn hiệu SNI phải được cấp bởi Cơ quan chứng nhận sản phẩm đã được KAN công nhận và được DG chỉ định thông qua việc kiểm tra sự phù hợp của chất lượng sản phẩm với các yêu cầu của SNI.

Các sản phẩm được phân phối tại thị trường nội địa có nguồn

gốc trong nước và nhập khẩu phải đáp ứng các yêu cầu bao gồm SNI 8223:2016 Cá ngừ đóng hộp và SNI 8222:2016 Cá mèi và cá thu đóng hộp trong đó nêu rõ thuật ngữ và định nghĩa, yêu cầu chất lượng, lấy mẫu, phương pháp kiểm nghiệm, thử nghiệm nghiệm thu và đóng gói.

Mục tiêu để tăng khả năng cạnh tranh; Thực hiện đảm bảo chất lượng và an toàn sản phẩm; Bảo vệ sức khỏe con người.

Ngày cuối cùng nhận ý kiến: 60 ngày kể từ ngày thông báo

http://members.wto.org/crnattachments/2017/TBT/IDN/17_0760_00_x.pdf

Úc thông báo dự thảo quy định về đồ nội thất

Ngày 25/07/2023, Úc thông báo G/TBT/N/AUS/158 dự thảo quy định về hàng tiêu dùng (Đồ nội thất). Theo đó Tiêu chuẩn thông tin về Hàng tiêu dùng được đề xuất năm 2023 bao gồm các yêu cầu đối với một số sản phẩm đồ nội thất lưu trữ độc lập bao gồm thông tin an toàn về các mối nguy hiểm liên quan đến đồ đạc bị đổ và cách giảm khả năng xảy ra sự cố bằng cách:

- Dán nhãn cảnh báo vĩnh viễn lên đồ nội thất
- Cung cấp thông tin an toàn trong hướng dẫn sử dụng và/hoặc hướng dẫn lắp ráp nêu rõ nguy cơ lật đổ và tầm quan trọng của việc neo giữ, và
- Cung cấp các cảnh báo về nguy cơ lật đổ tại điểm bán hàng trong cửa hàng và trực tuyến.

Mục tiêu của tiêu chuẩn thông tin bắt buộc là giảm nguy cơ thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong. ACCC coi tiêu chuẩn thông tin bắt buộc sẽ cải thiện kết quả an toàn bằng cách: giáo dục người tiêu dùng về các rủi ro, sử dụng đồ nội thất an toàn và các chiến lược neo giữ hiệu quả thông qua các nhãn cảnh báo cố định được dán; cung cấp các cảnh báo bắt buộc tại cửa hàng và trực tuyến như thẻ treo và biển báo để nâng cao nhận thức tại



điểm bán hàng, và hỗ trợ công bằng thông tin cho các cộng đồng đa dạng với việc sử dụng các cảnh báo rõ ràng bằng hình ảnh và tiếng Anh đơn giản. Thông tin người tiêu dùng, ghi nhãn; Phòng chống các hành vi lừa đảo và bảo vệ người tiêu dùng; Bảo vệ sức khỏe hoặc sự an toàn của con người.

Ngày cuối cùng cho ý kiến: 60 ngày kể từ ngày thông báo

https://members.wto.org/crnattachments/2023/TBT/AUS/23_11278_00_e.pdf

Đài Loan thông báo Dự thảo sửa đổi Quy định về thực phẩm đóng gói sẵn

Ngày 21/8/2023, Đài Loan thông báo G/TBT/N/TPKM/469/Add.1 Dự thảo sửa đổi Quy định về công bố dinh dưỡng cho sản phẩm thực phẩm đóng gói sẵn. Quy định này áp dụng đối với việc sử dụng công bố dinh dưỡng trên nhãn sản phẩm thực phẩm đóng gói sẵn; các công bố về dinh dưỡng của “Thực phẩm ăn kiêng đặc biệt” sẽ được áp dụng theo quy định này, trừ khi có quy định khác.

Yêu cầu dinh dưỡng: Tuyên bố về dinh dưỡng: bất kỳ tuyên bố nào nêu rõ, gợi ý hoặc ngụ ý rằng một sản phẩm thực phẩm có hoặc không có các đặc tính về calo hoặc dinh dưỡng cụ thể

Chất dinh dưỡng cho lượng ăn vừa phải: Việc hấp thụ quá nhiều calo, chất béo, chất béo bão hòa, chất béo chuyển hóa, cholesterol, natri, đường và lactose sẽ có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe quốc gia.

Chất dinh dưỡng dùng bổ sung: Việc bổ sung không đủ chất xơ, vitamin A, vitamin B1, vitamin B2, vitamin C, vitamin E, canxi và sắt sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe quốc gia, có thể được bổ sung bằng phương pháp bổ sung.

Ngoài ra các nội dung sửa đổi chính được đề xuất đối với Quy định về công bố dinh dưỡng đối với sản phẩm thực phẩm đóng gói sẵn như sau: Bổ sung phạm vi định nghĩa và thuật ngữ;

Sửa đổi phần mô tả công bố hàm lượng chất dinh dưỡng; Bổ sung chức năng sinh lý theo tiêu chuẩn hàm lượng chất dinh dưỡng; Sửa đổi nội dung tuyên bố của các sản phẩm tái hydrat hóa; Yêu cầu đối với sản phẩm dạng lỏng có từ hai công bố dinh dưỡng trở lên để bổ sung phần thuyết minh; Sửa lại nội dung trong Bảng 7.

Mục tiêu để thông tin người tiêu dùng, ghi nhãn. Ngày cuối cùng nhận ý kiến: 60 ngày kể từ ngày thông báo

https://members.wto.org/crnattachments/2021/TBT/TPKM/21_6609_00_e.pdf

Bahrain thông báo dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia Bahrain: Sản phẩm Halal – Phần 3: Yêu cầu chung về tổ chức công nhận tổ chức chứng nhận sản phẩm Halal

Ngày 04/9/2023, Bahrain đã gửi thông báo G/TBT/N/BHR/678 dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia Bahrain: Sản phẩm Halal – Phần 3: Yêu cầu chung về tổ chức công nhận tổ chức chứng nhận sản phẩm Halal.

Tiêu chuẩn này liên quan đến các yêu cầu phải được cung cấp đối với các tổ chức công nhận nhằm đánh giá và công nhận các tổ chức chứng nhận Halal.



Mục đích ban hành nhằm cung cấp sự tin cậy bằng cách mang lại độ tin cậy đã được chứng minh thông qua cơ quan đánh giá có năng lực và khách quan trong việc đáp ứng các yêu

cầu của quy định Halal trong luật Hồi giáo Sharia.

Ngày cuối cùng nhận ý kiến: 60 ngày kể từ ngày thông báo

https://members.wto.org/crnattachments/2023/TBT/BHR/23_12168_00_x.pdf

**Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của
Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN Quy định chi tiết xây dựng,
thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật**

Ngày 01/6/2023 vừa qua, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 10/2023/TT-BKHCN Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 18 tháng 7 năm 2023.

Theo đó, Thông tư này đã sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. *Quy chuẩn kỹ thuật địa phương* là quy chuẩn kỹ thuật do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành kèm theo văn bản quy phạm pháp luật để áp dụng trong phạm vi quản lý của địa phương đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình đặc thù của địa phương và yêu cầu cụ thể về kiểm soát an toàn, môi trường cho phù hợp với đặc điểm địa lý, khí hậu, thủy văn và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Quy chuẩn kỹ thuật địa phương viết tắt là: QCDP.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 như sau:

“4. Tùy theo mức độ phức tạp của đối tượng quản lý, nội dung quy định kỹ thuật, kết cấu của quy chuẩn kỹ thuật cơ bản được bố cục như sau:

- a) Phần, chương, mục, điều, điểm, đoạn, phụ lục; hoặc
- b) Phần, điều, điểm, đoạn; hoặc
- c) Điều, điểm, đoạn.

Phần, chương, mục, điều, phụ lục trong quy chuẩn kỹ thuật phải có tiêu đề. Tiêu đề là cụm từ chỉ nội dung chính của phần, chương, mục, điều, phụ lục.

Bố cục và đánh số thứ tự trong quy chuẩn kỹ thuật được thực hiện theo Mẫu quy định tại Phụ lục X kèm theo Thông tư này.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 14 như sau:

“4. Hồ sơ, thủ tục đăng ký quy chuẩn kỹ thuật đã ban hành thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP.

Bản đăng ký quy chuẩn kỹ thuật được lập theo Mẫu quy định tại Phụ lục XI kèm theo Thông tư này.”.

Đồng thời, Thông tư này cũng đã bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 26/2019/TT-BKHHCN:

1. Thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại các điều, khoản, điểm sau đây:

- a) Bỏ cụm từ “có xác nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” tại điểm a6 khoản 4 Điều 8;
- b) Thay thế từ “Bước 4” bằng từ “Bước 5” tại khoản 5 Điều 8.

2. Bãi bỏ khoản 3 Điều 11.

3. Thay thế, bổ sung một số Phụ lục như sau:

- a) Thay thế từ “QCVN” bằng từ “QCĐP” tại mục 5 và mục 8 Phụ lục IV;
- b) Bổ sung Phụ lục X vào sau Phụ lục IX;
- c) Bổ sung Phụ lục XI vào sau Phụ lục X.

Thiên Hòa

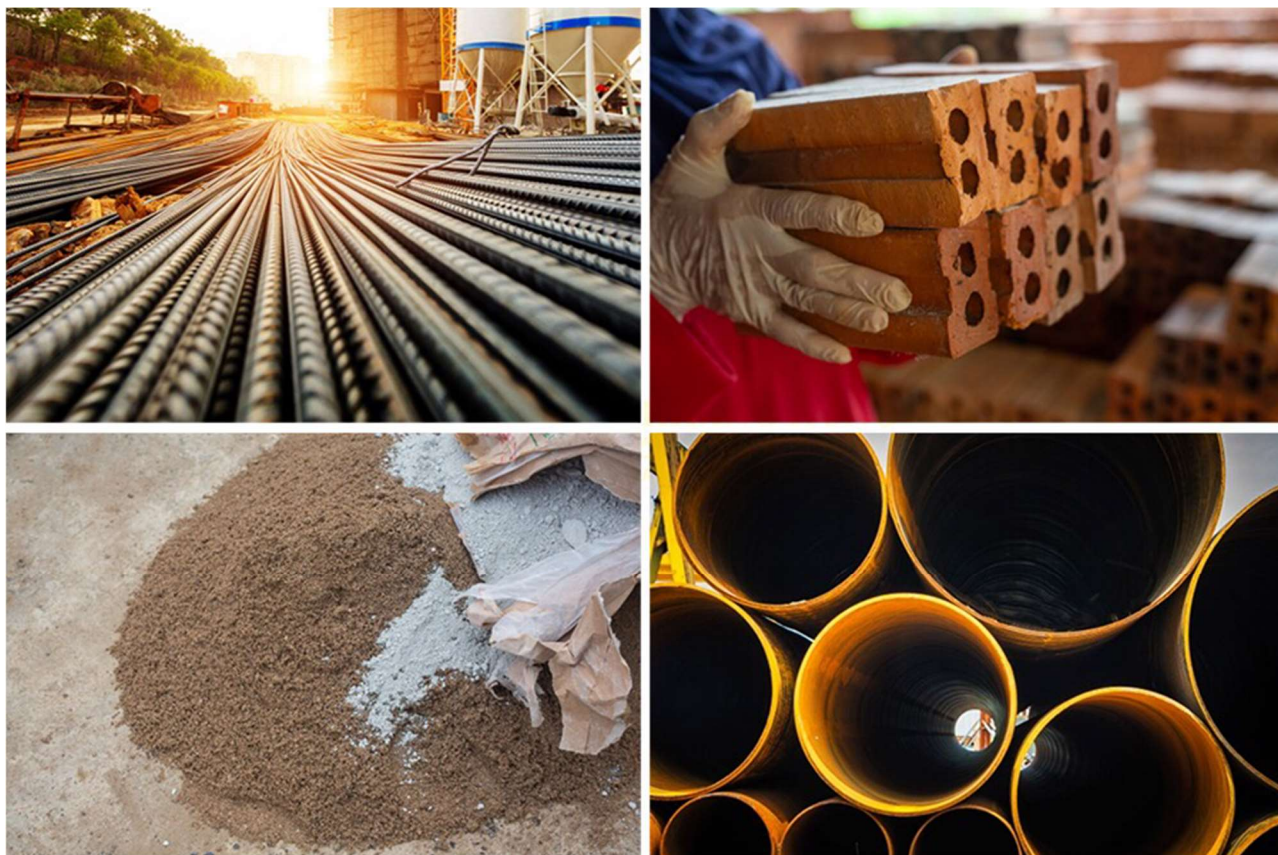
Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng

(VietQ.vn) - Mới đây, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư 04/2023/TT-BXD ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

Theo đó, ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

Quy chuẩn này quy định về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý các sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng nêu trong Bảng 1, Phần 2, thuộc nhóm 2 theo quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi là sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng) được sản xuất trong nước, nhập khẩu, kinh doanh, lưu thông trên thị trường và sử dụng vào các công trình xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

Quy chuẩn này không áp dụng cho sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng nhập khẩu dưới dạng mẫu hàng để quảng cáo không có giá trị sử dụng; hàng mẫu để nghiên cứu; mẫu hàng để thử nghiệm; hàng hóa tạm nhập khẩu để trưng bày, giới thiệu tại hội chợ triển lãm; hàng hoá tạm nhập - tái xuất, không tiêu thụ và sử dụng tại Việt Nam; hàng hóa trao đổi của cư dân biên giới, quà biếu, tặng trong định mức thuế; hàng hoá quá cảnh, chuyên khẩu, trung chuyển; Hàng hóa phục vụ yêu cầu khẩn cấp theo chỉ đạo của Chính phủ và hàng chuyên dụng phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.



Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2023/BXD có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Ảnh minh họa

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, sử dụng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; các tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận hợp quy thực hiện việc đánh giá, chứng nhận hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2023/BXD có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Bãi bỏ Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2019/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa vật liệu xây dựng đã được cấp Giấy chứng nhận hợp quy phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật QCVN16:2019/BXD và Giấy chứng nhận còn hiệu lực thì được phép sử dụng Giấy chứng nhận hợp quy và dấu hợp quy cho đến khi hết hiệu lực của Giấy chứng nhận đó.

Đối với các tổ chức đã được chỉ định chứng nhận hợp quy, thử nghiệm đối với các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2019/BXD thì được phép tiếp tục thực hiện chứng nhận hợp quy, thử nghiệm đối với các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng có trong Quyết định chỉ định đồng thời có trong danh mục sản phẩm hàng hóa vật liệu

xây dựng theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2023/BXD đến khi hết hạn hiệu lực của Quyết định chỉ định.

Trường hợp quyết định chỉ định hết thời hạn trong khoảng thời gian Quy chuẩn này ban hành nhưng chưa có hiệu lực thì được phép gia hạn hoạt động chứng nhận hợp quy, thử nghiệm đến ngày Quy chuẩn này có hiệu lực.

An Hạ

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

Ngày 15/9/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 1965/QĐ-UBND phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thực hiện trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Theo đó, Quyết định phê duyệt:

- Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình triển khai trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh là: 326 TTHC.

- Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia triển khai trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh là: 275 TTHC.

Theo Quyết định này, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có 09 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 07 dịch vụ công trực tuyến tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia, cụ thể:

1. Danh mục 09 dịch vụ công trực tuyến toàn trình:

- Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng.
- Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận
- Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh
- Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành
- Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận
- Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định
- Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

- Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu
- Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu

2. Danh mục 07 dịch vụ công trực tuyến tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia:

- Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng
- Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành
- Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận
- Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định
- Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp
- Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu
- Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thông báo đến quý cơ quan, tổ chức, cá nhân được biết để thuận lợi trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính.

Phạm Cúc



CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN